|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ Y TẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: /BC-BYT |  *Hà Nội, ngày tháng năm*  |

**BÁO CÁO**

**Đánh giá 07 năm thi hành Nghị định số 09/2016/NĐ-CP**

**ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm**

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Ngày 28/01/2016, Chính phủ ban hành Nghị định số 09/2016/NĐ-CP quy định về việc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm. Sau 07 năm thi hành, Nghị định đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng góp phần tích cực nhằm khắc phục kịp thời các thiếu xót trong chính sách về tăng cường vi chất dinh dưỡng, cải thiện tầm vóc Việt và nâng cao sức khỏe cộng đồng.

 Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong đó giao cho Bộ Y tế đã xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2016 quy định tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm (Nghị định số 09). Trên cơ sở có các nghiên cứu, bằng chứng khoa học, kinh nghiệm quốc tế và đánh giá tác động về mặt chính sách một cách đầy đủ, Bộ Y tế báo cáo đánh giá 07 năm thi hành Nghị định số 09 với các nội dung cụ thể như sau:

**Phần thứ nhất**

**CÔNG TÁC TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**

**I.** **Tình hình, kết quả ban hành văn bản** **quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành**

 **1. Tình hình, kết quả thực hiện**

Nghị định số 09 không có nội dung giao bộ, ngành ban hành văn bản quy định chi tiết. Tuy nhiên, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật và văn bản hành chính có liên quan để thực hiện Nghị định số 09 (chi tiết tại Phụ lục 4 kèm theo). Đồng thời, một số văn bản được ban hành trước Nghị định số 09 nhưng nội dung vẫn bảo đảm phù hợp với quy định của Nghị định số 09 tiếp tục được thực hiện.[[1]](#footnote-1)

**2. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

Việc triển khai quy định tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm phần lớn áp dụng theo các văn bản đã được ban hành trước khi Nghị định số 09 được ban hành. Các quy chuẩn kỹ thuật chủ yếu áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật về bổ sung vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm ban hành trước đó. Tuy nhiên, theo quy định của Luật an toàn thực phẩm thì khái niệm "thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng", "thực phẩm chức năng (gồm cả thực phẩm bổ sung)” là khác nhau.

Theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm đã phân công trách nhiệm quản lý nhà nước đối với sản phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng tại Nghị định số 09: Bộ Công Thương (bột mỳ, dầu ăn) và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (muối I-ốt), Bộ Y tế quản lý chất lượng đối với vi chất dinh dưỡng được bổ sung vào thực phẩm và thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng. Tuy nhiên, trong thực tiễn công tác quản lý an toàn thực phẩm liên quan đến Nghị định số 09 vẫn có sự đan xen giữa các Bộ ngành.

**II.** **Công tác tham mưu, chỉ đạo, quán triệt, xây dựng kế hoạch triển khai và tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn thi hành**

**1. Tình hình, kết quả thực hiện**

Sau khi Nghị định số 09 được ban hành, Bộ Y tế xây dựng kế hoạch[[2]](#footnote-2) triển khai và tuyên truyền, phổ biến Nghị định đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và địa phương. Các Bộ: Y tế, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức triển khai các nhiệm vụ được quy định giao cho Bộ, ngành phụ trách.

Trong quá trình thực hiện, khi có vướng mắc phát sinh, Chính phủ, Bộ Y tế và các bộ, ngành liên quan đều có văn bản giải đáp, xử lý các vướng mắc, phát sinh. Trong đó, Lãnh đạo Chính phủ đã chủ trì nhiều cuộc họp để nghe ý kiến doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức về các vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện và đã có chỉ đạo kịp thời.[[3]](#footnote-3) Bộ Y tế chủ trì tổ chức nhiều cuộc họp về hướng dẫn triển khai và giải đáp khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Nghị định số 09 với sự tham gia của các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và các hội, hiệp hội. Trên cơ sở đó, Bộ Y tế ban hành nhiều Công văn để hướng dẫn, trả lời doanh nghiệp.[[4]](#footnote-4)

Ngày 30/12/2021 Bộ Y tế báo cáo Thủ tướng Chính phủ (số 11076/BYT-PC) về việc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm. Ngày05/01/2022, Phó Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo tại Công văn số 99/VPCP-KGVX của Văn phòng Chính phủ về việc tiếp tục thực hiện Nghị định số 09 của Chính phủ.

 Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ, ngày 24/01/2022, Bộ Y tế ban hành Công văn số 400/BYT-PC gửi các bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị tiếp tục chỉ đạo thực hiện Nghị định số 09 trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của bộ, ngành, địa phương theo quy định; tăng cường công tác quản lý, tiếp tục quan tâm tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật và tầm quan trọng, sự cần thiết của việc tăng cường vi chất dinh dưỡng đối với sức khỏe người dân.

Qua công tác tuyên truyền, người dân đã được tăng cường nhận thức về tầm quan trọng của vi chất dinh dưỡng đối với sức khỏe. Nhiều người dân đã biết đến và lựa chọn các sản phẩm thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng trong tiêu dùng hằng ngày.

 Mặc dù một số doanh nghiệp có kiến nghị liên quan đến việc thực thi Nghị định số 09 nhưng theo kết quả khảo sát của Bộ Y tế: “Về nhận thức đối với mục đích tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm: 20/21 cơ sở được khảo sát đều cho rằng việc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm là tốt cho sức khoẻ cộng đồng” (trích Báo cáo số 1495/BC-BYT ngày 28/12/2018).

 Như vậy, công tác tổ chức triển khai, tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện Nghị định đã được thực hiện.

**2. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

Trong quá trình thực hiện Nghị định số 09, các doanh nghiệp liên tục có các kiến nghị trì hoãn việc thực hiện Nghị định, đề nghị chỉ khuyến khích áp dụng việc tăng cường vi chất. Các kiến nghị này xuất phát từ việc các quy định của Nghị định số 09 phần nào tác động đến gia tăng chi phí sản xuất, tăng thêm các yêu cầu kỹ thuật ảnh hưởng đến lợi ích của doanh nghiệp. Ngoài ra, từ khi có Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 5/5/2018 của Chính phủ, nhiều doanh nghiệp đã không tiếp tục thực hiện Nghị định số 09 trong khi Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP mới chỉ giao Bộ Y tế nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 09, đồng thời Nghị định số 09 vẫn còn hiệu lực toàn bộ, từ đó làm hiệu quả thi hành của Nghị định số 09 bị giảm sút.

Việc triển khai Nghị định chưa được chú trọng, quan tâm, đặc biệt là khâu tuyên truyền, phổ biến, quán triệt thực hiện của nhiều cơ quan, tổ chức và địa phương; Do đó, hiệu quả tổ chức triển khai còn hạn chế.

Nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại là do chưa có nguồn kinh phí thường xuyên, bền vững cho công tác tuyên truyền, chưa huy động được sự quan tâm, vào cuộc của các bộ, ngành, địa phương, cơ quan báo chí. Nội dung truyền thông đa phần mới được lồng ghép trong truyền thông về y tế.

**III. Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm**

**1.** **Tình hình, kết quả thực hiện**

Từ khi ban hành Nghị định số 09 đến nay, các Bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh và các Sở ngành chưa tiến hành thanh tra, kiểm tra chuyên đề về việc thực hiện Nghị định số 09. Công tác thanh tra, kiểm tra chủ yếu là về quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định chung của pháp luật về an toàn thực phẩm.

 Qua công tác tổng hợp tình hình xử phạt vi phạm hành chính, cho đến nay chưa có sơ sở nào bị xử phạt vi phạm hành chính liên quan đến tăng cường vi chất dinh dưỡng.

**2. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

Sau khi Nghị định số 09 ban hành, nhiều doanh nghiệp trong đó có các doanh nghiệp sử dụng nguyên liệu tăng cường vi chất dinh dưỡng để sản xuất thực phẩm có kiến nghị. Lãnh đạo Chính phủ đã có chỉ đạo về việc không kiểm tra đối với các doanh nghiệp này[[5]](#footnote-5). Trên cơ sở đó, Bộ Y tế ban hành Công văn 6134/BYT-PC ngày 27/10/2017 về việc thực hiện ý kiến kết luận của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các địa phương, đơn vị trực thuộc chỉ kiểm tra các doanh nghiệp sản xuất muối I-ốt, không kiểm tra các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm có sử dụng muối I-ốt. Đồng thời, Nghị định số 09 cũng chưa có hướng dẫn cụ thể việc kiểm tra đối với việc tăng cường vi chất dinh dưỡng thực hiện như thế nào? kiểm tra đối với những sản phẩm nào? nên các cơ quan quản lý nhà nước còn lúng túng trong quá trình triển khai, chưa tổ chức tiến hành kiểm tra thực hiện Nghị định.

Trong quá trình thực hiện Nghị định số 09, khi các cơ quan quản lý đi kiểm tra, khảo sát, đánh giá thì một số doanh nghiệp cũng chưa hợp tác hoặc từ chối tiếp đoàn, dẫn đến không thu thập được thông tin.

Do đó, công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm gặp nhiều hạn chế, khó khăn.

**Phần thứ hai**

**THỰC TRẠNG VI CHẤT DINH DƯỠNG TẠI VIỆT NAM**

1. **Diễn biến tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng tại Việt Nam**
	1. ***Tình trạng thiếu I-ốt***

Tổ chức Y tế thế giới (WHO) khuyến nghị mức trung vị I-ốt niệu từ 100-199 µg/L để đảm bảo tình trạng dinh dưỡng I-ốt tối ưu. Kết quả tổng điều tra toàn quốc về dinh dưỡng năm 2019-2020 của Viện Dinh dưỡng cho thấy theo khu vực, mức trung vị I-ốt niệu ở các nhóm đối tượng đều dưới ngưỡng khuyến nghị của WHO (ngoại trừ nhóm trẻ em 5-9 tuổi sống ở vùng thành thị và nông thôn đồng bằng), đặc biệt mức trung vị I-ốt niệu thấp nhất của tất cả các nhóm đối tượng đều ở khu vực nông thôn miền núi. Mức trung vị I-ốt niệu thấp nhất ở phụ nữ có thai và phụ nữ cho con bú, tương ứng là 85,3 µg/L và 89,5 µg/L; ở nhóm đối tượng trẻ em 5-9 tuổi là 113,3 µg/L.

Phân tích theo vùng sinh thái cho thấy, tại mỗi vùng sinh thái và trong toàn quốc đều có tình trạng mức trung vị I-ốt niệu thấp so với khuyến nghị của WHO. Mức trung vị I-ốt niệu của nhóm đối tượng sống ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc có xu hướng thấp hơn so với các vùng sinh thái khác và dưới ngưỡng khuyến nghị của WHO về đảm bảo tình trạng dinh dưỡng I-ốt tối ưu. Tỷ lệ muối ăn hộ gia đình chưa đạt tiêu chuẩn phòng các bệnh rối loạn do thiếu I-ốt có thể là một trong những nguyên nhân dẫn đến mức trung vị I-ốt niệu chưa đạt khuyến nghị của WHO (100-199 μg/L)[[6]](#footnote-6).

Kết quả Tổng điều tra dinh dưỡng năm 2019-2020 cho thấy 67,6% số hộ gia đình sử dụng muối có hàm lượng I-ốt thấp hơn mức quy định (<20ppm); 21,2% mẫu muối hộ gia đình có hàm lượng I-ốt đạt quy chuẩn kỹ thuật (20-40 ppm) đối với muối ăn bổ sung I-ốt theo Quy chuẩn 9-1:2009 của Bộ Y tế[[7]](#footnote-7) và QCVN 01-193:2021 của Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn[[8]](#footnote-8). Trên toàn quốc, độ bao phủ muối I-ốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh giảm từ 92,3% năm 2005 xuống còn 44,1% năm 2014[[9]](#footnote-9).

Theo điều tra của Bệnh viện Nội tiết Trung ương (năm 2014-2015), tỷ lệ bướu cổ ở trẻ em 8-12 tuổi là 9,8%. Tỷ lệ này cao gấp gần 2 lần so với khuyến nghị của WHO (<5%) và cao gần gấp 3 lần so với số liệu năm 2005 của Việt Nam (là 3,6%) khi tuyên bố thanh toán tình trạng bướu cổ và các rối loạn do thiếu I-ốt. Với tỷ lệ như vậy, Mạng lưới toàn cầu về I-ốt đánh giá Việt Nam là một trong 26 quốc gia có tình trạng thiếu I-ốt tồi tệ nhất trên thế giới[[10]](#footnote-10).

* 1. ***Tình trạng thiếu sắt***

Kết quả điều tra tình trạng vi chất dinh dưỡng do Viện Dinh dưỡng tiến hành năm 2015 cho thấy tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai là 32,8%, phụ nữ không có thai 25,5% và trẻ em 6-59 tháng tuổi là 27,8%. Tỷ lệ thiếu sắt là 50,3% đối với phụ nữ mang thai và 52,3% đối với trẻ em dưới 5 tuổi. Kết quả Tổng điều tra dinh dưỡng năm 2019-2020 cho thấy tỷ lệ thiếu máu ở phụ nữ có thai ở mức trung bình về ý nghĩa sức khỏe cộng đồng (25,4%). Bên cạnh đó, tỷ lệ thiếu máu ở các nhóm trẻ em 5-9 tuổi là 11,6%, trẻ em gái 10-14 tuổi là 8,9%, phụ nữ tuổi sinh đẻ là 16,2%, phụ nữ cho con bú là 12%, được xếp ở mức nhẹ về ý nghĩa sức khỏe cộng đồng. Ngoài ra, tỷ lệ thiếu sắt ở nhóm trẻ 6-59 tháng tuổi là 22,9% và ở nhóm phụ nữ có thai là 35,4%, mặc dù tỷ lệ này đã giảm so với năm 2015 nhưng tỷ lệ này vẫn duy trì ở mức cao[[11]](#footnote-11).

* 1. ***Tình trạng thiếu kẽm***

Kết quả Điều tra tình trạng thiếu một số vi chất dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em 6-59 tháng tuổi do Viện Dinh dưỡng tiến hành năm 2015 cho thấy tỷ lệ thiếu kẽm ở phụ nữ có thai là 80,3%, phụ nữ trong độ tuổi sinh để 63,6% và trẻ em dưới 5 tuổi là 69,4%. Kết quả Tổng điều tra dinh dưỡng năm 2019-2020, cho thấy tỷ lệ thiếu kẽm ở phụ nữ có thai là 63%, phụ nữ trong lứa tuổi sinh đẻ là 44,3%, và trẻ em là 53,3%6. Kết quả này cho thấy tỷ lệ thiếu kẽm ở cộng đồng đặc biệt là trẻ em và phụ nữ có thai dù đã giảm nhưng vẫn còn rất cao, ở mức có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng nặng.

* 1. ***Tình trạng thiếu vitamin A***

Kết quả Tổng điều tra dinh dưỡng năm 2019-2020 cho thấy: Tỷ lệ retinol huyết thanh thấp ở nhóm trẻ 6-59 tháng tuổi trên cả nước giảm xuống 8,9%, ở mức ý nghĩa sức khỏe cộng đồng nhẹ và đạt mục tiêu của Chiến lược dinh dưỡng quốc gia giai đoạn 2011-2020, nhưng khu vực Miền núi phía Bắc (13,4%), Đông Nam bộ và Tây Nguyên (10,2%) vẫn ở mức trung bình về ý nghĩa sức khỏe cộng đồng. Tỷ lệ retinol trong sữa mẹ thấp, giảm rõ rệt trong năm 2020 so với năm 2015 từ 34,8% xuống 16,7% và tỷ lệ retinol huyết thanh thấp ở trẻ 6-59 tháng tuổi giảm từ 13,2% xuống 8,9%6.

1. **Hậu quả của thiếu vi chất dinh dưỡng và tính cần thiết tăng cường vi chất vào thực phầm để phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng**

Các vi chất dinh dưỡng như I-ốt, sắt, kẽm, vitamin A.… rất cần thiết đối với cơ thể con người. Thiếu hụt I-ốt là nguyên nhân chính dẫn đến chậm phát triển trí tuệ ở trẻ em, bướu cổ sơ sinh, gây đẻ non, thai chết lưu, sảy thai ở phụ nữ. Thiếu sắt gây thiếu máu, làm tăng nguy cơ tử vong mẹ, phát triển thai nhi kém, suy yếu phát triển nhận thức, vận động ở trẻ em cũng như giảm năng suất lao động ở người lớn. Thiếu kẽm làm tăng tỷ lệ mắc tiêu chảy, nguy cơ nhiễm trùng đường hô hấp cấp tính và tử vong trẻ em. Thiếu vitamin A gây ra bệnh khô mắt, dẫn đến mù lòa...

Do đó, để phòng ngừa hậu quả đối với sức khỏe của người dân thì việc giảm tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng bằng biện pháp tăng cường vi chất dinh dưỡng chủ động, thường xuyên và bền vững là rất cần thiết.

1. **Thực trạng áp dụng tăng cường vi chất dinh dưỡng trong thực phẩm tại các nước trên thế giới**

Năm 2006, Tổ chức Y tế Thế giới khuyến cáo các giải pháp phòng, chống thiếu vi chất dinh dưỡng gồm: (1) Bổ sung vi chất dinh dưỡng bằng đường uống bổ sung, (2) Tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm, (3) Đa dạng hóa bữa ăn. Trong đó, tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm có giá thành thấp nhất, chỉ 0,06 USD người/ năm và có thể áp dụng rộng rãi cho cộng đồng[[12]](#footnote-12).

Dựa vào khuyến cáo của WHO, số nước có quy định bắt buộc bổ sung vi chất vào muối ăn, bột mỳ và dầu ăn lần lượt là 126, 92 và 35 (năm 2024). Đặc biệt trong 126 quốc gia đang bắt buộc bổ sung I-ốt vào muối ăn, có 114 nước yêu cầu dùng muối ăn đã tăng cường I-ốt cho thực phẩm chế biến. Ở khu vực Châu Á, 18 quốc gia có quy định bắt buộc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào bột mỳ; 8 quốc gia có quy định tăng cường bắt buộc vi chất dinh dưỡng vào dầu ăn và 35 quốc gia có quy định bắt buộc tăng cường I-ốt vào muối, trong đó có 29 quốc gia yêu cầu muối sử dụng trong chế biến thực phẩm phải là muối đã tăng cường I-ốt [[13]](#footnote-13) (*Xem chi tiết tại Phụ lục 3. Danh sách các quốc gia tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm*).

Năm 2006, WHO và FAO đã ban hành hướng dẫn *Guidelines on food fortification with micronutrients* chỉ ra sự cần thiết cũng như các nguyên tắc bổ sung vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm[[14]](#footnote-14). Gần đây, năm 2023, UNICEF cũng đưa ra hướng dẫn *Large-scale Food Fortification for the Prevention of Micronutrient Deficiencies in Children, Women and Communitie*s, nhấn mạnh quan điểm coi bổ sung vi chất dinh dưỡng trên diện rộng là biện pháp ưu tiên trong gói hành động phòng chống thiếu vi chất[[15]](#footnote-15).

Năm 2024, Hiệp hội ASEAN cũng đang thống nhất soạn thảo, Hướng dẫn tối thiểu về tăng cường vi chất dinh dưỡng trong thực phẩm trên quy mô lớn áp dụng cho cả khu vực.

**Phần thứ ba**

**TÌNH HÌNH ÁP DỤNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 09 TRONG TĂNG CƯỜNG VI CHẤT DINH DƯỠNG VÀO THỰC PHẨM**

Năm 2018, nhận nhiệm vụ do Chính phủ giao, Bộ Y tế (chủ trì là Viện Dinh dưỡng và Cục An toàn thực phẩm phối hợp) đã tổ chức đoàn công tác đến khảo sát thực địa tại 23 cơ sở sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu vi chất dinh dưỡng; thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng dùng trong nước và cơ sở sản xuất sản phẩm thực phẩm có sử dụng nguyên liệu là thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng[[16]](#footnote-16). Kết quả được tổng hợp trong Báo cáo 1495/BC-BYT ngày 28 tháng 12 năm 2018 về thực tiễn việc thực hiện Nghị định 09 tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Kết quả này cũng đã được tổng hợp lại trong Báo cáo 125/BC-BYT ngày 09 tháng 2 năm 2023 Đánh giá 05 năm thi hành Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm. Tiếp theo đó, Bộ Y tế có công văn số 19/BYT-PC ngày 06/01/2024 về việc phân công nhiệm vụ cho Viện Dinh dưỡng cập nhật, hoàn thành Báo cáo tổng kết 07 năm thi hành Nghị định số 09/2016/NĐ-CP. Do không thực hiện được việc tổ chức đánh giá trực tiếp thực trạng triển khai Nghị định 09 tại các doanh nghiệp bởi khó nhận được sự hợp tác phối hợp từ doanh nghiệp, Báo cáo sẽ kế thừa kết quả từ Báo cáo số 125/ BC-BYT ngày 09/02/2023 về việc Đánh giá 05 năm thi hành Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm.

Cụ thể, việc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm có các điểm nổi bật và khó khăn như sau:

1. **Về thực hiện quy định muối dùng để ăn trực tiếp, dùng trong chế biến thực phẩm phải được tăng cường I-ốt**
2. ***Tình hình, kết quả thực hiện***

*a) Về việc tăng cường I-ốt vào muối dùng trực tiếp:*

Các cơ sở được khảo sát đều sử dụng KIO3 với hàm lượng tăng cường tuân thủ quy định hiện hành.

Công nghệ bổ sung I-ốt vào muối tương đối đơn giản và sẵn có. Nguồn cung ứng KIO3 dễ dàng tìm được với số lượng đủ đáp ứng yêu cầu.

Các sản phẩm chủ yếu được tiêu thụ tại thị trường nội địa (99%) và một số được xuất khẩu sang Nhật Bản, Hàn Quốc với tỉ lệ rất nhỏ (dưới 1%).

Năm 2021, toàn quốc có 72 cơ sở chế biến, kinh doanh muối, đa số các doanh nghiệp thực hiện chế biến và kinh doanh muối I-ốt.[[17]](#footnote-17)

*b) Về sử dụng muối I-ốt để sản xuất thực phẩm:*

Muối I-ốt sử dụng trong sản xuất được các cơ sở mua từ các nguồn trong nước và nguồn nhập khẩu. Cũng có cơ sở mua muối tinh về để tự trộn I-ốt vào muối và sử dụng muối I-ốt để sản xuất tiếp.

Theo kết quả khảo sát năm 2018, các sản phẩm thực phẩm sử dụng muối I-ốt chỉ tiêu thụ tại thị trường nội địa và tỉ lệ các sản phẩm này chiếm 90-99% tổng sản lượng các sản phẩm sử dụng muối (tỉ lệ sản phẩm sử dụng muối để xuất khẩu là 1-10% tùy từng cơ sở).

Tất cả các cơ sở sản xuất thực phẩm được khảo sát (7/7 cơ sở) đều bắt đầu sử dụng muối I-ốt từ khi quy định bắt buộc tăng cường I-ốt vào muối tại Nghị định số 09 có hiệu lực (15/3/2017).

1. ***Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân***

Trong quá trình triển khai, một số doanh nghiệp đã không tiến hành thực hiện tăng cường I-ốt vào muối và sử dụng muối I-ốt để sản xuất thực phẩm. Một số Hiệp hội doanh nghiệp có các kiến nghị về khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện (*Xem chi tiết tại Phụ lục 1*).

Đồng thời, từ ngày 15/5/2018, sau khi nhận được thông tin liên quan đến việc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 09, các cơ sở sản xuất muối báo cáo số các cơ sở sản xuất thực phẩm mua muối I-ốt giảm xuống và lượng muối I-ốt do các cơ sở sản xuất thực phẩm đặt mua bị giảm đi vì một số cơ sở sản xuất thực phẩm quay trở lại sử dụng muối không tăng cường I-ốt.

1. **Về thực hiện quy định bột mỳ dùng trong chế biến thực phẩm phải được tăng cường sắt và kẽm**
2. ***Tình hình, kết quả thực hiện***

*a) Về tăng cường sắt và kẽm vào bột mỳ:*

Các cơ sở được khảo sát đều sử dụng sắt (III) pyrophosphate và oxid kẽm được trộn sẵn dưới dạng hỗn hợp sắt, kẽm, tuân thủ quy định tại Thông tư số 44/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành “Danh mục vi chất dinh dưỡng sử dụng trong thực phẩm”.

Sản lượng bột mỳ được tăng cường sắt, kẽm của các cơ sở khác nhau, dao động từ 1 tấn cho tới 36.000 tấn (trong 3 tháng) chiếm từ dưới 1% tới 75% tùy theo đơn đặt hàng của các cơ sở sản xuất thực phẩm mà cơ sở nhận được. Các sản phẩm của cơ sở chủ yếu được tiêu thụ tại thị trường nội địa (80%) và một số được xuất khẩu sang Singapore, Thái Lan, Indonesia, Lào, Campuchia, Hong Kong với tỉ lệ từ 1 đến 20% tùy từng cơ sở.[[18]](#footnote-18)

*b) Về sử dụng bột mỳ tăng cường sắt, kẽm để sản xuất thực phẩm:*

Bột mỳ tăng cường sắt, kẽm sử dụng trong sản xuất thực phẩm được các cơ sở mua từ các nguồn sản xuất trong nước và nguồn nhập khẩu.

Tỉ lệ các sản phẩm thực phẩm có sử dụng bột mỳ được tăng cường sắt, kẽm chiếm 90-99% tổng sản lượng các sản phẩm có sử dụng bột mỳ, 100% các sản phẩm thực phẩm sử dụng bột mỳ sắt, kẽm chỉ dùng để tiêu thụ tại thị trường nội địa (không xuất khẩu).

Theo khảo sát năm 2018, tất cả các cơ sở sản xuất thực phẩm được khảo sát (5/5 cơ sở) đều bắt đầu sử dụng bột mỳ sắt, kẽm từ khi quy định bắt buộc tăng cường sắt, kẽm vào bột mỳ tại Nghị định số 09 có hiệu lực (15/3/2018).

1. ***Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân***

Theo ý kiến của các doanh nghiệp tại cuộc khảo sát năm 2018, sự thay đổi về cảm quan sản phẩm gây khó khăn cho tăng cường vi chất sất, kẽm vào bột mỳ. Tuy nhiên, qua khảo sát tại một cơ sở sản xuất mỳ ăn liền thì mỳ ăn liền làm từ bột mỳ tăng cường vi chất sắt, kẽm có màu sắc vàng đậm hơn không đáng kể so với mỳ ăn liền không tăng cường.

Việc nhập khẩu nguồn cung ứng vi chất tăng cường vào thực phẩm khiến doanh nghiệp bị động, thậm chí gây gián đoạn trong quá trình sản xuất. Tuy nhiên, khi doanh nghiệp chủ động lập kế hoạch thì việc nhập khẩu nguyên liệu hoàn toàn có đủ nguồn cung từ các thị trường sẵn có.

Từ ngày 15/5/2018, sau khi nhận được thông tin liên quan đến việc nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 09, các cơ sở sản xuất bột mỳ báo cáo phần lớn các cơ sở sản xuất thực phẩm chỉ yêu cầu mua bột mỳ không tăng cường sắt, kẽm, chỉ còn số ít khách hàng đang đặt hàng nguyên liệu là bột mỳ sắt, kẽm và lượng bột mỳ sắt, kẽm do các cơ sở sản xuất thực phẩm đặt mua giảm đi.

1. **Về thực hiện quy định dầu thực vật có chứa một trong các thành phần dầu đậu nành, dầu cọ, dầu hạt cải và dầu lạc phải tăng cường vitamin A (trừ dầu thực vật dùng trong chế biến thực phẩm theo phương pháp công nghiệp)**
2. ***Tình hình, kết quả thực hiện***

Các cơ sở được khảo sát đều sử dụng retinyl palmitate với hàm lượng tăng cường tuân thủ quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng QCVN 9-2:2010/BYT và Thông tư số 44/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành “Danh mục vi chất dinh dưỡng sử dụng trong thực phẩm”. Hiện nay, các cơ sở sản xuất dầu ăn đều dễ dàng tìm được nguồn cung ứng vitamin A với số lượng đủ đáp ứng yêu cầu.

Tất cả các sản phẩm dầu thực vật đóng chai chứa một trong các thành phần dầu đậu nành, dầu cọ, dầu hạt cải và dầu lạc đều được tăng cường vitamin A. Các sản phẩm chủ yếu được tiêu thụ tại thị trường nội địa (99-100%) và một số được xuất khẩu sang Lào, Campuchia, Đài Loan, Mông Cổ, Úc với tỉ lệ nhỏ (dưới 1%).

Chi phí tăng cường vitamin A là 100 đồng/ chai song giá thành sản phẩm vẫn giữ cố định hoặc tăng ít do công ty thỏa thuận với cơ sở phân phối, bán lẻ.

Nhìn chung, các doanh nghiệp sản xuất dầu ăn đều cơ bản tuân thủ Nghị định số 09.

1. ***Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân***

Trong quá trình triển khai, một số doanh nghiệp nêu một số khó khăn trong quá trình triển khai liên quan đến nguồn cung cấp vi chất, vấn đề áp dụng quy chuẩn cho dầu ăn tăng cường vitamin A. Một số khó khăn doanh nghiệp kiến nghị trong quá trình triển khai tuy nhiên đã được các cơ quan quản lý giải thích và giải quyết theo thẩm quyền (*Xem chi tiết tại Phụ lục 1*).

**Phần thứ tư**

**CÔNG TÁC QUẢN LÝ SẢN XUẤT, KINH DOANH VI CHẤT DINH DƯỠNG VÀ THỰC PHẨM TĂNG CƯỜNG VI CHẤT DINH DƯỠNG**

Về quản lý, sử dụng vi chất dinh dưỡng bắt buộc tăng cường vào thực phẩm (bao gồm I-ốt, sắt, kẽm và vitamin A): Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi chất dinh dưỡng (hoặc quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm); cấp giấy tiếp nhận bản đăng ký công bố hợp quy hoặc giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm đối với vi chất dinh dưỡng sản xuất trong nước và nhập khẩu, xác nhận nội dung quảng cáo đối với vi chất dinh dưỡng; cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh vi chất dinh dưỡng.

1. **Tình hình, kết quả thực hiện**

Theo phân công trách nhiệm quản lý nhà nước: Bộ Y tế có trách nhiệm quản lý đối với vi chất dinh dưỡng I-ốt, sắt, kẽm, Vitamin A được tăng cường vào thực phẩm; Bộ Y tế ban hành các quy định và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi chất dinh dưỡng bổ sung vào thực phẩm. Khi triển khai thực hiện Nghị định số 09, việc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm áp dụng theo các quy chuẩn này.

Đối với vi chất dinh dưỡng nhập khẩu: Hiện nay, theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ, các vi chất dinh dưỡng nhập khẩu về làm nguyên liệu sản xuất thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng phục vụ cho việc sản xuất nội bộ của tổ chức thì được miễn thủ tục tự công bố sản phẩm và thủ tục kiểm tra nhà nước đối với thực phẩm nhập khẩu. Do đó, doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm đối với sản phẩm nguyên liệu này.

Đối với các vi chất dinh dưỡng sản xuất, kinh doanh trong nước: Theo số liệu thống kê thì hiện nay chưa có doanh nghiệp nào đăng ký sản xuất mặt hàng này trong nước.

1. **Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân**

Phần lớn các quy chuẩn kỹ thuật được ban hành trước thời điểm Nghị định số 09 và dùng cho các sản phẩm có bổ sung vi chất dinh dưỡng chủ động theo nhu cầu sản phẩm của doanh nghiệp và nhu cầu thị trường. Do vậy, cần tiếp tục rà soát và bảo đảm thống nhất phạm vi áp dụng đối với các sản phẩm thực phẩm bổ sung và tăng cường vi chất dinh dưỡng.

Về quản lý thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng: Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng; cấp giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm đối với thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng nhập khẩu, xác nhận nội dung quảng cáo đối với thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng.

1. **Tình hình, kết quả thực hiện trách nhiệm của Bộ Y tế, Bộ Công thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong công tác quản lý sản xuất, kinh doanh vi chất dinh dưỡng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng**
2. ***Tình hình, kết quả thực hiện***

Giai đoạn trước khi ban hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ (từ ngày 28/10/2016 đến ngày 2/2/2018): Bộ Y tế, Bộ Công thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức triển khai nhiệm vụ theo quy định cho sản phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của bộ, ngành mình như cấp Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy và Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm cho các sản phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng, thực hiện kiểm tra an toàn thực phẩm,…

Giai đoạn sau khi ban hành Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2028 của Chính phủ (từ ngày 2/2/2028 đến nay): Các thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng (muối, dầu ăn, bột mỳ) thuộc đối tượng tự công bố sản phẩm và hồ sơ tự công bố được nộp đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố chỉ định. Ngoài ra, theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 2/2/2018 của Chính phủ, các sản phẩm vi chất dinh dưỡng và các thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng không thuộc diện phải đăng kí nội dung trước khi quảng cáo.

Trong quá trình thực hiện, Bộ Y tế, Bộ Công thương và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thường xuyên giải đáp, trả lời doanh nghiệp, Hiệp hội, đơn vị kịp thời trước khi có vướng mắc phát sinh.

1. ***Tồn tại, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân***

Hiện nay, ngoại trừ muối tăng cường I-ốt đã có quy chuẩn[[19]](#footnote-19), nhìn chung, chưa có quy chuẩn kỹ thuật riêng cho thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng mà chỉ áp dụng quy chuẩn kỹ thuật cho thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, mặc dù các Bộ đã có công văn hướng dẫn việc áp dụng quy chuẩn cho sản phẩm thực phẩm tăng cường vi chất, tuy nhiên chỉ mang tính chất cụ thể cho từng trường hợp, chưa có văn bản để hướng dẫn chung trong việc áp dụng quy chuẩn cho các sản phẩm trên.

**Phần thứ năm**

**ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

1. **Đánh giá về kết quả thực hiện**

Tình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng đang là vấn đề có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng cần phải có can thiệp để giải quyết vấn đề này. Theo báo cáo năm 2021 của Mạng lưới toàn cầu về Phòng chống các rối loạn do thiếu Iốt, Việt Nam đang nằm trong nhóm 26 nước còn lại trên thế giới bị thiếu I-ốt. Kết quả cuộc Tổng điều tra dinh dưỡng năm 2020 do Viện Dinh dưỡng quốc gia, Bộ Y tế tiến hành đã chỉ ra nhiều con số đáng báo động về trình trạng thiếu vi chất dinh dưỡng tại Việt Nam (*Xem chi tiết tại Phụ lục 2*). Đặc biệt với 4 vi chất dinh dưỡng I-ốt, sắt, kẽm, vitamin A đang bị thiếu hụt một cách đáng báo động tới mức có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng. Như vậy, qua 7 năm triển khai Nghị định số 09, tình trạng thiếu hụt vi chất dinh dưỡng trong cộng đồng vẫn còn cao và cần có giải pháp để tăng cường hiệu quả can thiệp toàn diện ở cấp độ cộng đồng thông qua việt tăng cường thực hiện Nghị định số 09.

Việc thực hiện Nghị định số 09 gặp phải nhiều kiến nghị trì hoãn từ các doanh nghiệp, đề nghị chỉ khuyến khích áp dụng việc tăng cường vi chất. Các kiến nghị này xuất phát từ việc các quy định của Nghị định số 09 phần nào tác động đến gia tăng chi phí sản xuất, tăng thêm các yêu cầu kỹ thuật ảnh hưởng đến lợi ích của doanh nghiệp. Ngoài ra, từ khi có Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP ngày 5/5/2018 của Chính phủ, nhiều doanh nghiệp không tiếp tục thực hiện Nghị định số 09, đồng thời Nghị định số 09 vẫn còn hiệu lực toàn bộ, từ đó làm hiệu quả thi hành của Nghị định số 09 bị giảm sút.

Mặc dù một số doanh nghiệp có kiến nghị liên quan đến việc thực thi Nghị định 09 nhưng theo kết quả khảo sát của Bộ Y tế: “Về nhận thức đối với mục đích tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm: 20/21 cơ sở được khảo sát đều cho rằng việc tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm là tốt cho sức khỏe cộng đồng” (Trích Báo cáo số 1495/BC-BYT ngày 28/12/2018).

1. **Kiến nghị, đề xuất các Bộ, ngành**
2. ***Bộ Y tế***

- Xây dựng Dự thảo Nghị định trình Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định 09/2016/NĐ-CP phù hợp với điều kiện thực tiễn tại Việt Nam.

- Truyền thông, phổ biến Nghị định tới cơ sơ sản xuất, cơ sở kinh doanh để thực thi Nghị định hiệu quả, nghiêm túc, tự giác theo các quy định trong Bộ Y tế.

- Tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm soát. Tuân thủ các quy định trong Nghị định.

- Tham mưu với Chính phủ để hoàn thiện Nghị định này trên cơ sở giữ nguyên vi chất dinh dưỡng tăng cường và thực phẩm bắt buộc phải tăng cường vi chất dinh dưỡng.

- Tiếp tục tuyên truyền tới người tiêu dùng, các doanh nghiệp về lợi ích của việc sử dụng thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng và sản phẩm thực phẩm sản xuất từ nguyên liệu tăng cường vi chất dinh dưỡng.

- Soát xét và sửa đổi các quy chuẩn đối với thực phẩm bổ sung hiện đang áp dụng chúng đối với sản phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng để đảm bảo phạm vi điều chỉnh của các quy chuẩn này áp dụng đối với các sản phẩm tăng cường vi chất dinh dinh dưỡng.

1. ***Các Bộ: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương***

- Ban hành các quy định về xử lý các vi phạm trong Nghị định và các văn bản pháp luật liên quan đến tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm.

- Tuyên truyền cho các doanh nghiệp kinh doanh các mặt hàng được phân công quản lý tuân thủ nghiêm Nghị định số 09.

- Xây dựng văn bản hướng dẫn thực hiện hoạt động kiểm tra việc thực hiện Nghị định số 09 đối với sản phẩm thuộc phạm vi quản lý của bộ mình.

- Tiếp tục phối hợp với các cơ sở sản xuất thực phẩm theo dõi những tác động không mong muốn, ảnh hưởng đến cảm quản của sản phẩm cuối cùng khi sử dụng các nguyên liệu tăng cường vi chất dinh dưỡng (nếu có) và tìm kiếm những hỗ trợ kỹ thuật từ các chuyên gia để cải tiến công nghệ và tìm cách khắc phục những khó khăn này.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với việc thực thi Nghị định số 09 tại tất cả các cơ sở trên (bao gồm cả các sản phẩm nhập khẩu) và xử phạt nghiêm khắc để các cơ sở triển khai nghiêm túc, tạo môi trường kinh doanh công bằng. Đồng thời, chế tài xử phạt các hành vi vi phạm cũng được quy định chi tiết tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về an toàn thực phẩm.

1. ***Kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh***

- Xây dựng quy chuẩn, tiêu chuẩn của địa phương về thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng và vi chất dinh dưỡng tăng cường.

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến về lợi ích của tăng cường vi chất dinh dưỡng.

- Vận động tuyên truyền cho các doanh nghiệp kinh doanh các mặt hàng thuộc phạm vi quản lý tuân thủ nghiêm Nghị định số 09.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đối với việc thực thi Nghị đinh số 09 tại tất cả các cơ sở trên (bao gồm cả các sản phẩm nhập khẩu) và xử phạt nghiêm để các cơ sở triển khai nghiêm túc, tạo môi trường kinh doanh công bằng.

1. ***Đề nghị đối với các doanh nghiệp, hiệp hội***

- Vận động tuyên truyền cho các doanh nghiệp kinh doanh các mặt hàng thuộc phạm vi quản lý tuân thủ nghiêm Nghị định số 09.

- Ủng hộ các chính sách của Chính phủ vì sức khỏe cộng đồng.

- Cam kết tiếp tục thực hiện Nghị định số 09.

Trên đây là báo cáo đánh giá 07 năm (từ tháng 1/2016 đến 2/2024) thi hành Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm, Viện Dinh dưỡng kính trình Bộ Y tế xem xét, quyết định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:- Như trên;- Văn phòng Chính phủ;- Các Thứ trưởng; - Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;- Cục ATTP;- Viện Dinh dưỡng;- Lưu: VT, PC. |  **BỘ TRƯỞNG****Đào Hồng Lan** |

1. Thông tư số 44/2015/TT-BYT ngày 30/11/2015 ban hành Danh mục vi chất dinh dưỡng sử dụng trong thực phẩm và các Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thực phẩm bổ sung vi chất dinh dưỡng, về các chất được sử dụng để bổ sung kẽm, sắt, iod vào thực phẩm, vitamin A để bổ sung vào dầu thực vật, về muối I-ốt. [↑](#footnote-ref-1)
2. Quyết định số 852/QĐ-BYT ngày 15/3/2016 về của Bộ trưởng Bộ Y tế kế hoạch triển khai hành Nghị định số 09, Kế hoạch 265/KH-ATTP ngày 21/2/2020 triển khai chương trình truyền thông, nâng cao nhận thức về tăng cường vi chất vào thực phẩm [↑](#footnote-ref-2)
3. Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam đã trực tiếp chủ trì đối thoại tại Văn phòng Chính phủ và đã chỉ đạo: Nếu có những phát sinh về biến đổi mùi vị, màu sắc của sản phẩm liên quan đến việc sử dụng muối I-ốt thì doanh nghiệp cần báo cáo ngay với Bộ Y tế để Bộ Y tế phối hợp cùng các bộ liên quan nghiên cứu và đưa ra hướng giải quyết. Ngày 16/11/2018, Văn phòng Chính phủ có công văn số 11201/VPCP-KGVX thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam giao Bộ Y tế khẩn trương khảo sát, đánh giá thực tiễn và báo cáo Thủ tướng Chính phủ. 26/6/2019, Văn phòng Chính phủ có công văn số 5619/VPCP-KGVX đề nghị đánh giá thực tế tác động của Nghị định số 09 (cả về phạm vi và mức độ) đối với ngành sản xuất thực phẩm tiêu dùng trong nước). [↑](#footnote-ref-3)
4. Công văn số 1216/BYT-PC ngày 14/3/2017 của Bộ Y tế trả lời ý kiến của doanh nghiệp trong triển khai Điểm a Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 09/2016/NĐ-CP. Công văn số 7658/BYT-PC ngày 14/9/2021 của Bộ Y tế gửi các hiệp hội, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm về kiến nghị liên quan đến Nghị định số 09/2016/NĐ-CP. Công văn 6134/BYT-PC ngày 27-10-2017 của Bộ Y tế về việc thực hiện ý kiến kết luận của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc chỉ kiểm tra các doanh nghiệp sản xuất muối I-ốt, không kiểm tra các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm có sử dụng muối I-ốt. Công văn số 866/BYT-ATTP 24/02/2020 gửi Văn phòng Chính phủ để báo cáo tình hình triển khai chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam liên quan đến Nghị định số 09. [↑](#footnote-ref-4)
5. Thông báo số 849/TB-TCTTg ngày 04/10/2017 Thông báo ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ về kết quả kiểm tra tháng 9 năm 2017 của Tổ công tác của Thủ tướng Chính phủ nêu: “Về việc kiểm tra các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm có sử dụng muối i ốt. Dù trên thực tế chưa có doanh nghiệp nào bị kiểm tra nhưng đề nghị Bộ Y tế có văn bản hướng dẫn chỉ kiểm tra các doanh nghiệp sản xuất muối I ốt, không kiểm tra các doanh nghiệp sản xuất thực phẩm có sử dụng muối I ốt theo đúng chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam để không gây bức xúc cho doanh nghiệp và các Hiệp hội chế biến thực phẩm.” [↑](#footnote-ref-5)
6. Báo cáo kết quả Tổng điều tra dinh dưỡng 2020, tháng 9/2023, Viện Dinh dưỡng. [↑](#footnote-ref-6)
7. Bộ Y tế and QCVN, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với muối iod, QCVN 9-1:2011/BYT. . 2011. [↑](#footnote-ref-7)
8. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với muối (NaCl) thực phẩm. QCVN 01-193:2021/BNNPTNT. 2021. [↑](#footnote-ref-8)
9. Mức trung vị I-ốt niệu ở trẻ em 5-9 tuổi là 112,6 μg/l, ở phụ nữ 15-49 tuổi là 99,1 μg/l, ở phụ nữ có thai là 83,4 μg/l, ở bà mẹ cho con bú là 88,1 μg/l, thấp hơn nhiều so với tiêu chuẩn toàn cầu là 150 μg/l. [↑](#footnote-ref-9)
10. Báo cáo IGN 2021 report label 26 countries-danh sách 26 nước trên thế giới bị thiếu I-ốt (truy cập ngày 30/11/2021. [↑](#footnote-ref-10)
11. Báo cáo kết quả Tổng điều tra dinh dưỡng 2020, tháng 9/2023, Viện Dinh dưỡng. [↑](#footnote-ref-11)
12. Guidelines on food fortification with micronutrients, WHO/FAO 2006 [↑](#footnote-ref-12)
13. Trao đổi dữ liệu toàn cầu về bổ sung vi chất https://fortificationdata.org (Truy cập vào 05/6/ 2024) [↑](#footnote-ref-13)
14. Hướng dẫn Guidelines on food fortification with micronutrients, ngày xuất bản: 25/11/2006. [↑](#footnote-ref-14)
15. Hướng dẫn Large-scale Food Fortification for the Prevention of Micronutrient Deficiencies in Children, Women and Communities, ngày xuất bản: tháng 12/2023. [↑](#footnote-ref-15)
16. Công văn số 11201/VPCP\_KGVX ngày 16/11/2018 của Văn phòng Chính phủ thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam giao “Bộ Y tế khẩn trường khảo sát, đánh giá thực tiễn việc thực hiện Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28/01/2016 của Chính phủ” [↑](#footnote-ref-16)
17. Công văn số 8764/BNN-QLCL ngày 23/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo đánh giá 05 năm thực hiện Nghị định số 09 [↑](#footnote-ref-17)
18. Báo cáo số 125/ BC-BYT, ngày 09/02/2023 của Bộ Y tế về việc Đánh giá 05 năm thi hành Nghị định số 09/2016/NĐ-CP ngày 28/01/2016 của Chính phủ về tăng cường vi chất dinh dưỡng vào thực phẩm [↑](#footnote-ref-18)
19. QCVN 9-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với muối Iod và Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 3974:2015 về muối thực phẩm. [↑](#footnote-ref-19)